

# ĐẶC ĐIỂM PHÂN LOẠI DÂN DÃ CÔN TRÙNG CỦA NGƯỜI VIỆT Ở CẤP ĐỘ PHÂN LOẠI TỪ “HỌ” SANG “GIỐNG” VÀ “LOÀI”

**Dương Thị Mỹ Dung**  
Khoa Ngữ văn - Địa lí  
Email: dungdtm@dhhp.edu.vn

Ngày nhận bài: 17/4/2019

Ngày PB đánh giá: 19/6/2019

Ngày duyệt đăng: 27/6/2019

## TÓM TẮT

Thế giới côn trùng, một quần thể quan trọng trong tự nhiên, được người Việt tri nhận nhiều chiều. Quá trình này được mã hóa trong các biểu thức ngôn ngữ, trở thành những tín hiệu văn hóa tạo nên các ẩn dụ tinh tế trong bức tranh ngôn ngữ dân tộc nói chung. Tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu Đặc điểm phân loại dân dã côn trùng của người Việt ở cấp độ phân loại từ “họ” sang “giống” và “loài” cũng chính là từng bước đi giải mã những lớp vĩa sâu kín về đời sống văn hóa tinh thần của người Việt từ đó làm căn cứ giúp hiểu thêm về đặc trưng tư duy, tâm lí dân tộc đặc biệt là nếp sống, nếp cảm, nếp nghĩ của người Việt trong truyền thống được phản ánh qua ngôn ngữ.

**Từ khóa:** phạm trù hóa, côn trùng, tri nhận, phân loại dân dã

## CHARACTERISTICS OF VIETNAMESE CLASSIFICATION OF INSECTS FROM “FAMILIES” TO “GENERA” AND “SPECIES”

### ABSTRACT

The world of insects, an important population in nature, has been perceived from different perspectives by Vietnamese people. This process is encoded in linguistic expressions, becoming cultural signals that create subtle metaphors in the national language in general. The author chooses the research topic Characteristics of the classification of insects by Vietnamese people at the level of classification from “families” to “genera” and “species” to gradually decode the deep layers of Vietnamese people’s cultural and spiritual life, which serves as a basis for understanding more about the characteristics of thinking, national psychology, especially the lifestyle, the feeling, the thinking of Vietnamese people in the tradition reflected in the language.

**Key words:** categorization, insects, recognition, rustic classification

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Con người và thế giới động vật là những bộ phận thiết yếu của giới tự nhiên. Tự chúng có mối liên hệ đặc biệt. Từ trong lao động và bằng lao động, con người đã

biến những thực thể này trở thành *cái thiên nhiên thứ hai* mang ý thức. Theo đó, thế giới côn trùng, một quần thể quan trọng của thế giới động vật cũng được người Việt tri nhận nhiều chiều, được biểu trưng hóa nhằm phản ánh và lưu giữ nhiều giá trị

văn hóa. Quá trình này được mã hóa trong các biểu thức ngôn ngữ, trở thành những tín hiệu văn hóa, tạo nên các ẩn dụ tinh tế trong bức tranh ngôn ngữ nói chung. Ở đó, con người tiến hành sự phân loại dựa trên mối quan hệ tôn ti giữa các phạm trù. Điều này diễn ra cả trong khoa học (đối chiếu với danh lục tên khoa học) và trong dân gian (folk taxonomy). Tiếp cận vấn đề này, chúng tôi có thêm cơ hội đào sâu hơn nữa vào những *lớp via sâu kín* của đời sống văn hóa tinh thần người Việt.

**Bảng 1. Sơ đồ thứ bậc phân loại động thực vật trong khoa học và ngôn ngữ [3, 38-39]**

STT	Phân loại khoa học (Linnaeus)	Phân loại dân dã		
		Berlin	Thomas	Hund và French
1	Kingdom/regnum (Giới): Động vật/Thực vật	Unique beginner (Giới): Động vật	Global generic (Tổng loại)	Kingdom (Giới)
2	Phylum (Ngành): Nguyên sinh, ruột khoang,...	Life- form (Lớp): Động vật có vú,..	Families (Họ)	Life- form (Lớp):
3	Class (Lớp): Thú/Chim/Bò sát/...	Generic (Giống): Chó, Chim, Bướm, rắn,...	Genera (Giống)	Intermediate (Trung gian)
4	Ordo (Bộ): Rùa,..	Specific (Loài): Chó Béc- giê, Chim chích chòe,...	Species (loài)	Generic (Giống)
5	Familia (Họ): Ba ba,..	Varietal (Loại): Chó Béc- giê Đức, Chim chích chòe lửa,...		Specific (Loài)
6	Genus (Chi/Giống): Ba ba, Rùa,..			Varietal (Loại)
7	Species (Loài): Có vú,...			

Sự phân loại *dân dã* động thực vật được phản ánh trong ngôn ngữ có phần giản đơn hơn nhiều so với lăng kính của khoa học sinh học. Đối với loài côn trùng, chúng tôi vận dụng phương pháp của D.Thomas với mô hình phân loại động vật 4 bậc và có chú ý đến bậc trung gian (intermidate) trong mô hình 6 bậc của Hund và French.

Thế giới động vật đa dạng và phong phú sớm được người Việt nhận thức và

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Lí thuyết phạm trù hóa

Có thể dẫn ra đây cách phân loại (classification/taxonomy) động thực vật trong khoa học gắn liền với tên tuổi nhà sinh học nổi tiếng của Thụy Điển - Linnaeus ở giữa thế kỉ XVIII và sự phân loại sinh học - dân tộc (ethnobiological), dân dã (folk) hay ngây thơ của của một số các tác giả như Berlin (các năm 1973, 1992), Thomas, Hund và French năm 1984,... (Bảng 1)

có xu hướng xếp chúng vào các thứ bậc, các lớp lang khác nhau. Kết quả là, trong ý thức của người Việt, chúng được chia thành bốn lớp lớn là *trùng, ngư, điều* và *thú* với những đặc trưng khu biệt về môi trường sống và đặc điểm cấu tạo. Thuộc về lớp *trùng*, đó là những động vật bậc ở thấp nhất, có cấu tạo đơn giản nhất, bao gồm tất cả các loài vi sinh vật, nhuyễn thể, giáp xác, chân đốt,... Tiến hóa cao hơn là

lớp *ngư* (gồm các loài cá và một số sinh vật sống trong môi trường nước). Lớp điều gồm toàn bộ các loài chim. Còn lại, động vật bậc cao nhất, sống gần gũi với con người là lớp *thú*. Trong khi đó, khoa học sinh học lại chia giới động vật thành nhóm động vật có xương sống (tức là nhóm có bộ xương bao gồm một cột sống do các đốt sống tạo thành) và không xương sống (nhóm động vật không có cấu tạo như trên).

Côn trùng hay sâu bọ thuộc nhóm động vật không xương sống, có tên khoa học là *insecs*, chiếm số lượng lớn nhất trên trái đất. Trong số các đại diện của ngành Chân khớp (Arthropoda), chúng được phân bố rộng rãi hơn cả. Côn trùng là nhóm đa dạng nhất trên trái đất, với trên 1 triệu loài đã được mô tả, chiếm hơn một nửa tổng số tất cả các loài sinh vật sống mà con người biết đến với ước lượng về số loài chưa được mô tả lên tới 30 triệu, và do đó có thể đại diện cho hơn 90% các dạng sống khác nhau trên hành tinh. Người ta có thể tìm thấy côn trùng ở gần như tất cả các môi trường sống trên trái đất, mặc dù chỉ có một số lượng nhỏ các loài có thể thích nghi được với đời sống ở đại dương, nơi mà giáp xác là nhóm chiếm ưu thế. Có khoảng 5.000 loài chuồn chuồn, 2.000 loài bọ ngựa, 20.000 loài châu chấu, 17.000 loài bướm, 120.000 loài hai cánh, 82.000 loài cánh nửa, 350.000 loài cánh cứng và khoảng 110.000 loài cánh màng. Côn trùng thực sự (mà được phân loại vào lớp *côn trùng*) có các đặc điểm sau: thứ nhất, cơ thể của một thành trùng (cá thể trưởng thành của loài) phải phân thành

3 phần tất cả: đầu, ngực và bụng. Thứ hai, thành trùng phải có tất cả ba đôi chân được gắn vào các đốt ngực, hai đôi râu (ăng ten) trên đầu, và phần bụng được phân chia thành nhiều đốt ( $\leq 11$  đốt). Phần lớn (không phải tất cả) côn trùng trưởng thành đều có cánh. <http://vi.wikipedia.org/wiki/côn-trùng>.

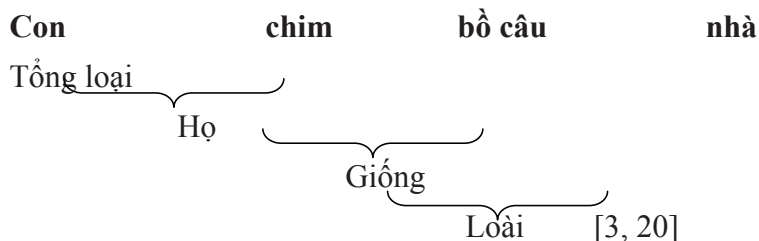
Trong bài viết có tên Động vật học tiếng Chrau: một nghiên cứu ngôn ngữ - dân tộc học (Chrau zoology: an ethnolinguistics study), D.Thomas có đề xuất một trình tự các thao tác nhằm phát hiện hệ thống phân loại động vật trong tiếng Chrau (Chrau, Chu ru hay Chơ ro là tên của một dân tộc ít người sinh sống chủ yếu ở đông nam và tây nam tỉnh Đồng Nai) bằng cách đưa ra 4 cấp độ của hệ thống phân loại. Các cấp bậc trong quan hệ phân loại có thể ẩn (covert) hoặc hiện (overt). Nếu cấp *tổng loại* (global generic) thường ẩn thì ở cấp độ nhỏ nhất, không thể phân chia được nữa tức cấp *loài* (species) lại luôn hiện. Trong khi đó, cấp *giống* (genera) có tính chất ẩn và cấp *họ* (families) có thể ẩn hoặc hiện. Có thể hiểu điều này thông qua ví dụ sau:

(1) Hỏi: Con này con gì? (Hỏi về *Họ*-Families) - Đáp: Con chim.

(2) Hỏi: Chim gì? (Hỏi về *Giống*-Genere) - Đáp: Chim bồ câu.

(3) Hỏi: Chim bồ câu gì? (Hỏi về *Loài*-Species) - Đáp: Bồ câu nhà.

Từ đây, có thể mô hình hóa mối quan hệ 4 bậc trong cách phân loại của D.Thomas bằng sơ đồ dưới đây:



Chúng ta có thể xác định được các mức độ phân loại cụ thể. Trong tổ hợp *ong mật* ta thấy *ong* là một từ đơn khi có sự xuất hiện của yếu tố *mật* đã tạo thành một từ ghép phân nghĩa *ong mật*. Rõ ràng, từ *ong* đến *ong mật* đã là một thao tác phân bậc từ cấp giống đến cấp loài (kiểu *ong lá, ong củ, ong kén nhỏ, ong mắt đỏ, ong xanh, ong kiến, ong đất,...*). Ngay cả trong loại hình ngôn ngữ hòa kết như tiếng Anh, người ta cũng nhìn ra ngay được thứ bậc chủng loại. Ví dụ như *shrimp/japanese shrimp (tôm/tôm càng)*. Tuy nhiên, ta lại không có được bất kì một căn cứ hình thái học nào để khẳng định động vật (*animal*) ở cấp cao hơn so với các loài cụ thể như *mèo/chó/côn trùng/sư tử (cat/dog/insects/lion)...* Khi đó, phải căn cứ vào đặc điểm chức năng để nhận diện. Chúng tôi còn nhận thấy có một điểm đáng chú ý nữa là việc kết hợp giữa các từ chỉ họ nói chung với các từ chỉ tên giống trong tiếng Anh là không nhiều mà phần lớn họ có các từ hay tổ hợp từ định danh cho từng giống cụ thể. Cùng cấp bậc với *japanese shrimp (tôm càng)*: *prawn (tôm he), lobster (tôm hùm), spiny lobster (tôm rông)* hay *common tiger prawn (tôm sú),...* chứ không chấp nhận kiểu *prawn shrimp, lobster shrimp,...*

## 2.2. Cơ sở văn hóa

Ngôn ngữ và văn hóa có mối tương quan hữu cơ mật thiết. Ngôn ngữ là một trong những yếu tố quan trọng cấu thành nên nền văn hóa của một cộng đồng người. Nói như E.M.Veressagin và V.G.Kostomarov thì *ngôn ngữ là tấm gương thực sự của nền văn hóa dân tộc* hay theo Humbolt (1767 - 1835), *ngôn ngữ là linh hồn của dân tộc, linh hồn của dân tộc là ngôn ngữ*. Tiếp sau đó, ở châu Mỹ, E.Sapir (1884- 1939) và B.Whorf (1897 - 1941) lại khẳng định, ở biến thể mạnh thì ngôn ngữ quyết định cái cách thức

một dân tộc suy nghĩ, cảm thụ và chia cắt thế giới khách quan (thành các phạm trù). Ngôn ngữ khác nhau thì tư duy khác nhau. Có thể nói ngôn ngữ có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc lưu giữ và bảo tồn các giá trị văn hóa đồng thời góp phần sáng tạo và phát triển nó. Mỗi dân tộc sẽ có những đặc trưng về văn hóa khác nhau tất yếu dẫn đến sự đa dạng trong bức tranh chung về ngôn ngữ.

Con người và thế giới động vật có mối liên hệ khăng khít, không tách rời. Trong quá trình lao động, thế giới động vật được tri nhận, trở thành các thực thể có ý thức. Khi đó, trong mối quan hệ với con người, nó có thể xem như một mẫu gốc và Ý nghĩa biểu trưng của những con vật như là con người bắt gặp, quan sát, với những đặc tính riêng ở mỗi con, và gọi tên chúng, gửi trả ta về một hiện tượng rộng lớn hơn rất nhiều, bởi vì nó bao hàm toàn bộ lịch sử loài người, chứ không phải một khoảnh khắc của nền văn minh chúng ta. [1, 316-317].

Đối với cư dân Việt, nền văn hóa lúa nước mà trồng trọt trên quy mô nhỏ là phương thức sản xuất chủ yếu đã tạo nên những nét đặc thù về văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên trong đó có thế giới loài vật. Nếu như trong tín ngưỡng của dân tộc, con rông trở thành biểu tượng văn hóa, biểu tượng cho quyền uy của hoàng tộc, của sự linh thiêng trường tồn vĩnh cửu nhằm che chở cho con người,... thì thế giới côn trùng, một quần thể quan trọng trong thế giới loài vật cũng được người Việt tri nhận nhiều chiều, được chủ thể hóa, biểu trưng hóa nhằm phản ánh và lưu giữ giá trị bản sắc dân tộc.

## 2.3. Đặc điểm phân loại dân dã côn trùng ở người Việt

Tiếng Việt thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập trong đó ghép là một trong những

phương thức cấu tạo từ cơ bản. Đặc trưng này vừa là tiền đề vừa được kiểm chứng qua quá trình tiếp cận và phân tích đặc điểm cấu tạo của hệ thống từ gọi tên động vật ở nhiều tác giả như Nguyễn Đức Tồn, Nguyễn Thúy Khanh, Lê Thị Thanh Huyền và Nguyễn Thị Thu Hương,... Chúng tôi cũng xuất phát từ cơ sở đó để mô tả tên gọi loài côn trùng với các thứ bậc sắp xếp theo mô hình của D.Thomas.

Như đã nói, cấp độ *tổng loại* (con) được ẩn đi. Các cấp độ *họ - giống - loài* thường được hiển thị ngay trên cấu trúc bề mặt tên gọi. Ngoài những nét giống so với loài chim hay nhóm động vật thủy sinh thì sự hiển thị các thành phần cấu tạo tên gọi của sâu bọ từ sau cấp độ tổng loại có nhiều điểm khá đặc biệt.

*Họ* (families) là cấp độ đứng liền sau cấp *tổng loại*, không nhất thiết lúc nào cũng xuất hiện để cùng kết hợp với yếu tố chỉ *giống*. Nếu lược bỏ *họ* trong các trường hợp *chim sẻ, chim bồ câu, chim cuốc, chim chích chòe,...* hay cá rô, *cá diêu hồng, cá bống, cá mè hoa, cá trê, cá diếc, cá trắm cỏ,...* thì người Việt vẫn hiểu đúng về đối tượng được thông báo. Đối với lớp *côn trùng* thì ở phần lớn các *loài*, cấp độ *họ* dường như được lược bỏ hoàn toàn mặc dù trong ý thức, tư duy vẫn tồn tại ý niệm về nó. Chẳng hạn, chúng ta không nói *sâu ruồi/bọ ruồi, sâu ong/bọ ong, sâu kiến/bọ kiến, sâu tò vò/bọ tò vò, sâu chấy/bọ chấy, sâu cào cào/bọ cào cào, sâu bướm/bọ bướm, sâu cà niễng/bọ cà niễng, sâu dế/bọ dế, sâu muỗi/bọ muỗi, sâu đom đóm/bọ đom đóm, sâu thiêu thân/bọ thiêu thân, sâu cà cuống, bọ cà cuống, sâu muồm muồm/bọ muồm muồm, sâu ve/bọ ve, sâu vò/bọ vò,...* nhưng vẫn hiểu *ruồi, ong, kiến, tò vò, chấy, cào cào, bướm, cà niễng, dế, muỗi, đom đóm, thiêu thân, cà cuống, muồm muồm, vò,...* là một loài sâu bọ. Lúc đó, với

một số trường hợp khi đi vào hoạt động hành chức để gọi tên loài côn trùng thường đòi hỏi từ chỉ cấp độ *tổng loại* (con) đi kèm để tránh sự nhầm lẫn với các hiện tượng đồng âm khác kiểu như *con thiêu thân, con vò, con ve, con cào cào,...* Tuy nhiên, không thể từ bỏ cấp độ *họ* trong *sâu cuốc, sâu dâu, sâu hồng, sâu kèn, sâu tơ, sâu loang, bọ chó, bọ hươu, bọ lá bốn vệt, bọ rùa vằn, bọ vẽ, bọ xẻ gỗ, bọ xít nhẵn, bọ xít mai rùa, bọ xít hai sao trắng, bọ mỏ kìm, bọ đũa, bọ dũa, sâu eo đuôi, sâu vẽ bùa, v.v...* để tránh sự ngộ nhận nhất là những côn trùng còn khá xa lạ với nhiều người.

Cấp độ *giống* (genera) là tổ hợp đứng ngay trên *loài* và luôn hiện trong thang phân loại. Đi sau *giống* là các yếu tố bổ nghĩa để tạo nên một loài mới chẳng hạn *kiến gió, kiến vóng, chuồn chuồn kim, ruồi chó, ong anh vũ, ong chăm, muỗi nâu, mọt tre, nhặng xanh, nhện sừng, nhện ôm trứng, bướm nhung đen, châu chấu mũ phật, chuồn chuồn ngô,...* Tác giả Triều Nguyên lưu ý *trong nhiều trường hợp, một tên giống khi kết hợp với các yếu tố bổ nghĩa để tạo ra tên các loài, thì tự thân nó cũng được coi như một tên loài, phân biệt với các loài kia* [2, 17]. Ví như, trong ý thức của người Việt, *châu chấu, ruồi* hay *ong* đều là những loài động vật bình thường, thường gặp cho nên ngoài những loài của ba giống này lần lượt là *châu chấu u, châu chấu đầu ngựa, châu chấu củ ấu, châu chấu tre, châu chấu mũ phật, châu chấu voi, châu chấu lúa,...* *ruồi nước, ruồi trâu, ruồi ăn sâu, ruồi ăn rệp, ruồi đục quả, ruồi đục lá, ruồi que, ruồi kí sinh, ruồi nhà, ruồi chó, ruồi chuồn chuồn, ruồi dơi, ruồi ngựa, ruồi ong, ruồi xe xe,...* và *ong bắp cày, ong bò vẽ, ong bụng ngắn, ong chăm, ong đen, ong khoái, ong mắt đỏ, ong muỗi, ong ngựa, ong ruồi, ong vàng, ong vàng giả, ong*

*nhện, ong lá, ong củ, ong nhỏ, ong xanh, ong kiến, ong đất,...* thì *châu chấu, ruồi* và *ong* cũng là ba loài khác với các loài đã được yếu tố bổ nghĩa định danh, được hiểu là *châu chấu thường, ruồi thường* và *ong thường*. Tuy nhiên để tránh sự phức tạp khi phân loại mô hình tên gọi các loài côn trùng theo khoa học và theo ngôn ngữ dân dã thì chúng tôi xếp những trường hợp này vào mô hình *giống + Ø*.

*Loài* (Species) là bậc phân loại nhỏ nhất đứng liền sau cấp độ *giống* và có tính chất hiện. Các yếu tố bổ nghĩa cho cấp *giống* tạo thành tên *loài* đứng một mình không có khả năng gọi tên bất cứ động vật nào. Đó là các trường hợp kiểu *gió (kiến gió), vóng (kiến vóng), kim (chuồn chuồn kim), chằm (ong chằm), nâu (muỗi nâu), tre (mọt tre), xanh (nhặng xanh), sừng (nhện sừng), mũ phật (châu chấu mũ phật), bướm (bướm bướm), v.v...* Nhưng cũng có khi yếu tố bổ nghĩa trùng tên với một loài động vật khác trong các tổ hợp như *bướm mối, bướm sâu đo, chuồn chuồn hổ, chuồn*

*chuồn voi, nhện kiến, nhặng tầm, kiến sư tử, ruồi chó, ruồi trâu, ruồi ong, ruồi ngựa, ruồi dơi, ruồi chuồn chuồn,...* Thực chất, chúng gọi ra những đặc trưng thuộc về cấp độ đứng liền trước nó để tạo nên một loài mới của giống này.

Lí Toàn Thắng cho rằng điều quan trọng hơn là trong sự tri nhận ngôn ngữ đời thường, dân dã của người Việt có nhiều loài hình nhưng *không được quy vào lớp sâu bọ của khoa học sinh học* [3, 44]. *Ong, chuồn chuồn* và *kiến* là những ví dụ tiêu biểu thuộc danh sách đó. Bởi lẽ, theo ông trong cảm thức của nhân dân từ lâu thì các loài sâu bọ thường được đánh giá là âm tính. Tuy nhiên, quá trình khảo sát kho tàng văn học dân gian người Việt lại cho thấy đây là những loài có tần số xuất hiện lớn và căn cứ vào những đặc trưng sinh học của chúng, người viết vẫn xem đó là những loài côn trùng đích thực. Chúng tôi nhận thấy tên các loài côn trùng xuất hiện chủ yếu trong khoa học và trong ngôn ngữ tự nhiên theo các mô hình dưới đây:

**Bảng 2. Phân loại mô hình tên gọi các loài côn trùng theo khoa học và ngôn ngữ dân dã**

STT	Mô hình cấu tạo	Ví dụ
1	Họ + Giống	Sâu đục thân, sâu keo, sâu gai, sâu cuốn lá, sâu cắn gié, sâu đo, sâu róm, sâu vòi voi, sâu muống, sâu giền, bọ dừa, bọ lá, bọ ngựa, bọ que, bọ rầy, bọ xít,..
2	Giống + Ø	Đom đóm, cà cuống, lôm chôm, bà mụ, bấp cày, công công, chung tr,..
3	Giống + Loài	Châu chấu mũ phật, châu chấu tre, ruồi ong, ruồi trâu, bướm phượng, bướm phấn, bướm tro, ong kiến, ong lá, ong đất, ong bò vẽ, ruồi que, ruồi đục quả, kiến đen, kiến hôi, kiến cánh, ngài sâu kén, ngài lông vũ, niềng niềng kim, ve sầu sừng, ve sầu vai rộng, gián lớn, châu chấu củ ấu,..

Tên gọi của mỗi loài côn trùng có thể có hoặc không có lí do. Hầu hết các loài được định danh theo kiểu định danh bậc một (tức

tính võ đoán). Chẳng hạn như *dòi, bọ, sâu, bướm, cào cào, chuồn chuồn, chấy, đé, đom đóm, muồm muồm, kiến, mối, mọt, lăng*

quăng, muỗi, ruồi, nhặng, sâu róm, sâu keo, bọ chét, bọ mạt, bọ rầy, bọ trĩ, cà niễng, bọ net, cà cuống, dế mèn, ruồi lằng, bà mu, bọ hung, lôm chôm, bấp cày, chung tư, công cồng, nhện kênh,... Trong khi đó, số loài được gọi theo cách định danh bậc hai chiếm tỉ lệ ít hơn nhưng lại là nhóm đối tượng mang trong mình nhiều lớp ý nghĩa. Vì vậy, các hình vị kết hợp với nhau mang tính có lí

do tạo nên tổ hợp tên gọi loài côn trùng kiểu như bọ chó, bọ gạo, bọ lá, bọ vùng, kiến cánh, kiến cỏ, chuồn chuồn ngô, ruồi trâu, sâu đo, sâu cuốn lá, sâu đục thân, sâu vòi voi, sâu gai, sâu muống, sâu giền, sâu dưa, bướm vàng, bướm trắng, bọ rùa, bọ que,... Đề tài cũng thống kê được các loài côn trùng có hơn một tên gọi khác nhau (kết hợp từ điển và các nguồn khác) (Bảng 3).

**Bảng 3. Những loài côn trùng có hơn một tên gọi.**

STT	Tên gọi 1	Tên gọi 2	Tên gọi 3	Tên gọi 4	Tên gọi 5
1	Bọ dừa	Bọ đa	Bọ vùng		
2	Bọ gậy	Cung quăng	Lăng quăng		
3	Bọ mạt	Bọ mạt			
4	Bướm	Bướm bướm	Ngài	Điệp	Hồ điệp
5	Bọ chó	Ve chó			
6	Bọ rầy	Rầy			
7	Cà niễng	Niễng	Niềng niễng		
8	Chấy	Chí			
9	Cà cuống	Sâu quế	Cuống		
10	Chuồn chuồn	Chuồn			
11	Dán	Gián			
12	Dế trũi	Dế chũi	Dế nhũi	Tiền tiền	
13	Dòi	Giòi	Ròi		
14	Kiến vàng	Kiến lửa			
15	Muồm muồm	Muồm	Muỗn	Muồn muỗn	
16	Nhặng	Ruồi lằng	Ruồi xanh		
17	Ong nghệ	Ong vàng			
18	Ong mạt	Ong đen			
19	Ong vò vẽ	Ong vẽ	Ong bò vẽ	Ong bò vẽ	
20	Ruồi trâu	Mòng trâu			
21	Tò vò	Vò			
22	Ve sâu	Ve			
23	Ve	De	Gie		
24	Kiến riêng	Kiến riện			

Từ bảng này, ta thấy trong số 24 loài côn trùng được gọi bằng những tên gọi khác nhau trở lên có 13 loài có hai tên gọi, 7 loài có ba tên gọi, 3 loài có bốn tên gọi và 1 loài

có năm tên gọi. Trong ngôn ngữ tiếng Việt thì đây chính là hiện tượng hằng thể và biến thể ngữ âm tên loài côn trùng và thậm chí nó diễn ra ngay trong tên gọi của một loài:

- Dạng đầy đủ/rút gọn: *bươm bướm/ bướm, chuồn chuồn/chuồn, ong vò vẽ/ong vẽ, tò vò/vò, muỗi muỗi/muỗi, cà niễng/niễng, cà cuống/cuống, bọ rầy/rầy,...*

- Dạng biến âm (đọc chệch ngữ âm): *ong bò vẽ/ong vò vẽ/ong bò vẽ, muỗi muỗi/muỗi muỗi, dế trũi/dế nhũi, chấy/chí, bọ mạt/bọ mạt,...*

- Cách gọi Hán Việt/thuần Việt: điệp (hồ điệp)/bướm, ...

- Tên gọi theo thói quen sử dụng tiếng Việt: *ve/de/gie, dòi/giòi/ròi, dế trũi/dế chũi, ...*

- Tên gọi thuần Việt hoàn toàn khác nhau: *bọ dừa/bọ đa/bọ vừng, bọ gậy/cung quăng/lăng quăng, bọ chó/ve chó, nhặng/ruồi lặn/ruồi xanh, cà cuống/sâu quế, ruồi trâu/mòng trâu,...*

### 3. KẾT LUẬN

Với nội dung nghiên cứu này, chúng tôi thực hiện phân loại côn trùng theo mô hình 4 bậc của D.Thomas. Nếu cấp độ tổng loại (con) được ẩn đi thì các cấp độ khác lại không như vậy. Họ - giống - loài thường được hiển thị ngay trên cấu trúc bề mặt tên gọi song cũng có những trường hợp đặc biệt. Người Việt cổ luôn ý thức rất rõ về khái niệm loài nhưng lại có thói quen lược bỏ nó khi gọi tên. Ngoài ra, chúng tôi còn nhận thấy, tên gọi của mỗi loài côn trùng có thể có hoặc không có lí do. Điều này liên quan đến đặc trưng võ đoán của tín hiệu ngôn ngữ. Theo đó, số loài được gọi theo cách định danh bậc hai chiếm tỉ lệ ít

hơn nhưng lại là nhóm đối tượng mang trong mình nhiều lớp ý nghĩa.

Tư duy khoa học đòi hỏi phải chính xác, chi tiết đến từng loài cụ thể thì khi phân loại dân dã trong ngôn ngữ, tên gọi loài côn trùng được phân cấp đến cấp độ loài là rất ít. Điều này xuất phát từ trình độ nhận thức cùng với đặc trưng tư duy *tri thức và văn hóa tộc người* của cư dân Việt trong truyền thống. Ngoài ra cũng phải kể đến các trường hợp trung gian độc đáo như *sâu bọ, ruồi muỗi, ong bướm, ruồi bọ, ...* Có thể thấy, cách nhận biết và phân loại theo quan niệm dân gian tuy sơ giản nhưng cũng có cơ sở tự nhiên học nhất định và ít nhiều có điểm gặp gỡ với khoa học chính xác. Ngay trong sự phân loại mang tính chất sơ khai nhất, người Việt đã có ý thức rõ về đặc điểm tiến hóa của các loài động vật. Người Việt định danh loài côn trùng theo mô hình 4 bậc phân loại của D.Thomas.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chevalier Jean, Gheerbrant Alain (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới* (Phạm Vĩnh Cư dịch), Nxb Đà Nẵng, Trường viết văn Nguyễn Du.
2. Triều Nguyên (1999), *Tìm hiểu thế giới dưới góc độ ngôn ngữ - văn hóa dân gian người Việt (qua dữ liệu vùng Thừa Thiên-Huế)*, Nxb Thuận Hóa.
3. Lí Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.